TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày 18/4/2023
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lạc

Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cháu **Nguyễn Hữu K**, sinh năm 2010

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ

Bị đơn bà **Dương Thị C**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Cháu **Nguyễn Thị Minh T1**, sinh năm 2004 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Thanh T2, sống chung từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu K, sinh năm 2010. Ngày 30/4/2022 ông T2 có va chạm giao thông đường thủy với chị Nguyễn Thị Mỹ T dẫn đến tử vong. Sau khi sự việc xảy ra gia đình chị T có đến gia đình bà thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bà. Theo thỏa thuận thì chị T bồi thường tiền mai táng cho ông T2 là 70.000.000đồng, tiền lo cho cháu Nguyễn Hữu K ăn học là 120.000.000đồng. Bà đã nhận trực tiếp từ chị T là 50.000.000đồng ngày 01/5/2022 đã lo cho việc mai táng nhưng không đủ, còn lại 140.000.000đồng chị T đã giao cho mẹ chồng là bà Dương Thị C ngày 09/5/2022. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu mẹ chồng giao lại số tiền này nhưng đến nay mẹ chồng vẫn không giao lại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả lại số tiền 140.000.000đồng để lo cho cháu K ăn học.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, bà Dương Thị C trình bày:

Nguyễn Thanh T2 là con ruột của bà, con bà có sống chung với Nguyễn Thị N nhưng không có đăng ký kết hôn. Còn Nguyễn Thị Minh T1 và Nguyễn Hữu K là con của Nguyễn Thanh T2 và cũng là cháu nội của bà. Sau khi con bà chết thì cháu Mỹ T có đến năn nỉ bà nhận số tiền 140.000.000đồng và nhờ bà làm đơn bãi nại. Mặc dù, bà không muốn nhận số tiền này nhưng nghĩ cho cháu K nên bà nhận rồi sẽ giao lại cho cháu K. Tuy nhiên, bà chưa giao lại thì con cháu đi kiện bà nên bà không đồng ý giao lại số tiền này, con bà đã chết thì cháu T1, Hữu K cũng không còn là cháu nội của bà. Hơn nữa vụ việc này không liên quan gì đến bà, số tiền này do bên cháu Mỹ T năn nỉ nên bà mới nhận, nếu muốn lấy tiền lại thì bên Mỹ T xé giấy bãi nại bà sẽ trả 140.000.000đồng cho Mỹ T.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Năm 2022 bà có gây tai nạn cho anh Nguyễn Thanh T2 dẫn đến anh T2 tử vong. Sự việc xảy ra bà có đến gia đình chị N để thỏa thuận tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình chị N. Hai bên đã thống nhất số tiền bồi thường mai táng là 70.000.000đồng và 120.000.000đồng là tiền lo cho cháu K ăn học. Lần đầu bà đã đưa cho chị N số tiền là 50.000.000đồng, có làm biên bản giao nhận tiền. Còn lại 140.000.000đồng, do chị N và anh T2 không có đăng ký kết hôn, hơn nữa anh T2 có hộ khẩu bên nhà bà C nên bà mới giao số tiền 140.000.000đồng cho bà C và có làm biên bản giao nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Nguyễn Thị Minh T1 trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị N là cha mẹ ruột của cháu. Sau khi cha cháu qua đời, bên gia đình bà T có thỏa thuận bồi thương 190.000.000đồng, đã giao cho mẹ cháu được 50.000.000đồng, còn 140.000.000đồng bà T đã giao cho bà nội giữ nhưng nhưng đến nay chưa giao lại

cho em cháu là Nguyễn Hữu K. Về số tiền này cháu không có yêu cầu gì và thống nhất với ý kiến của mẹ cháu là yêu cầu bà nội giao lại số tiền 140.000.000đồng cho em cháu ăn học.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại số tiền 120.000.000đồng cho cháu Nguyễn Hữu K, còn lại 20.000.000đồng tặng cho bà Dương Thị C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh T1 thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 120.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 120.000.000đồng đã nhận từ bà Nguyễn Thị Mỹ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị N sống chung từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh T1, sinh năm 2004 và Nguyễn Hữu K, sinh năm 2010. Vào ngày 30/4/2022, ông Nguyễn Thanh T2 qua đời do va chạm giao thông đường thủy với bà Nguyễn Thị Mỹ T. Sau khi ông T2 qua đời, bà Mỹ T có thỏa thuận bồi thường cho gia đình chị N số tiền 190.000.000đồng, bao gồm tiền mai táng 70.000.000đồng và tiền lo cho cháu K ăn học là 120.000.000đồng. Ngày 01/5/2022, bà Mỹ T giao cho bà N 50.000.000đồng đến ngày 09/5/2022 bà Mỹ T giao số tiền còn lại 140.000.000đồng cho bà Dương Thị C. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C xác định có nhận số tiền 140.000.000đồng từ bà Mỹ T, đồng thời bà cũng xác định nhận tiền thay cho cháu Hữu K và bà cũng có ý định giao lại cho Hữu K nhưng chưa giao thì khởi kiện nên bà không đồng ý giao lại. Trong

số tiền 140.000.000đồng có 120.000.000đồng các bên đương sự đều thống nhất đây là số tiền bà Mỹ T bồi thường để lo cho cháu K là người chưa thành niên có điều kiện để học hành. Hiện nay cháu Hữu K đang cần tiền để lo cho việc học và bị đơn là người đã nhận tiền này nhưng chưa giao lại nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại số tiền 120.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: Do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Dương Thị C có trách nhiệm trả lại cho cháu Nguyễn Hữu K số tiền 120.000.000đồng. Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Thời gian và cách trả do Cơ quan thi hành án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự cho bị đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở